

## Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

#### 1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Mua xe ô tô phục vụ công tác chung của xã Phụng Công.
- Tên dự toán: Mua xe ô tô phục vụ công tác chung của xã Phụng Công.
- Chủ đầu tư: Văn Phòng HĐND và UBND xã Phụng Công.
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh (qua mạng).
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 02 ngày.

#### 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

##### a) Yêu cầu chung:

- Yêu cầu về chất lượng: Hàng hóa cung cấp mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở lại đây và có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Yêu cầu về thời gian bảo hành: Nhà thầu phải ghi rõ thời gian bảo hành hàng hóa trong E-HSDT.

##### b) Yêu cầu cụ thể

Nhà thầu chào hàng hoá đáp ứng tối thiểu các tiêu chuẩn kỹ thuật (tham khảo) như sau:

| TT                      | THÔNG SỐ KỸ THUẬT   | ĐƠN VỊ             | Thông số kỹ thuật                                |
|-------------------------|---|--------------------|--|
| 1                       | Nguồn gốc, xuất xứ  |                    |  |
| 2                       | Hãng sản xuất   |                    |  |
| <b>I</b>                | <b>KÍCH THƯỚC, TRỌNG LƯỢNG, HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG, HỆ THỐNG TREO, LÁI VÀ PHANH</b> |                    |  |
| Kích thước, trọng lượng | Dài x rộng x cao  | mm x mm x mm       | 4691 x 1866 x 1691                               |
|                         | Chiều dài cơ sở   | mm                 | 2701   |
|                         | Chiều rộng cơ sở (trước/sau)  | mm                 | 1611/1627  |
|                         | Khoảng sáng gầm xe  | mm                 | 198  |
|                         | Trọng lượng không tải   | kg                 | 1653   |
|                         | Trọng lượng toàn tải  | kg                 | 2350   |
| Động cơ                 | Loại động cơ  |                    | 1.5 DOHC VTEC TURBO, 4 xilanh thẳng hàng, 16 van |
|                         | Dung tích xy lanh   | cm <sup>3</sup>    | 1498   |
|                         | Loại nhiên liệu   |                    | Xăng   |
|                         | Tiêu chuẩn khí thải   |                    | Euro 5   |
|                         | Dung tích bình nhiên liệu   | Lít                | 57   |
|                         | Công suất cực đại   | (kW(HP)/vòng/phút) | 140(188Hp)/6000                                  |
|                         | Mô men xoắn tối đa  | (Nm/vòng/phút)     | 240/1700~5000                                    |

| <b>TT</b>                   | <b>THÔNG SỐ KỸ THUẬT</b> | <b>ĐƠN VỊ</b>          | <b>Thông số kỹ thuật</b>                          |
|-----------------------------|--------------------------|------------------------|---|
|                             | Tiêu thụ nhiên liệu      | Trong đô thị (L/100km) | 9,57  |
|                             |                          | Ngoài đô thị (L/100km) | 6,34  |
|                             |                          | Kết hợp (L/100km)      | 7,49  |
| Truyền Lực                  | Hệ thống truyền động     |                        | Hệ dẫn động cầu trước                             |
|                             | Hệ thống treo            | Trước/sau              | Trước MacPherson/ Sau đa điểm                     |
| Khung gầm                   | Hộp số                   |                        | Số tự động vô cấp                                 |
|                             | Hệ thống lái             |                        | Ma-Eps  |
|                             | Vành & Lốp xe            | Loại vành              | Mâm đúc   |
|                             |                          | Kích thước lốp         | 235/60R18   |
|                             | Phanh                    | Trước/sau              | Đĩa tản nhiệt/ đĩa                                |
| <b>II</b>                   | <b>NGOẠI THẤT</b>        |                        |   |
| Đèn sương mù                | Trước                    |                        | Không   |
|                             | Sau                      |                        | Không   |
| Đèn báo phanh trên cao      |                          |                        | LED   |
| Hệ thống cân bằng góc chiếu |                          |                        | Tự động   |
| Đèn lùi                     |                          |                        | LED   |
| Cụm đèn sau                 | Đèn báo rẽ               |                        | LED   |
|                             | Đèn phanh                |                        | LED   |
|                             | Đèn vị trí               |                        | LED   |
| Cụm đèn trước               | Đèn chiếu xa             |                        | LED   |
|                             | Đèn chiếu gần            |                        | LED   |
| Gương chiếu hậu ngoài       | Màu sắc                  |                        | Cùng màu với thân xe                              |
|                             | Chức điều chỉnh điện     |                        | Có  |
|                             | Chức năng gập điện       |                        | Có  |
|                             | Tích hợp đèn báo rẽ      |                        | Có  |
| <b>III</b>                  | <b>NỘI THẤT</b>          |                        |   |
| Tay lái                     | Trợ lực lái              |                        | Trợ lực lái điện, thích ứng nhanh với chuyển động |

| <b>TT</b>                            | <b>THÔNG SỐ KỸ THUẬT</b>                            | <b>ĐƠN VỊ</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b>             |
|--------------------------------------|---|---------------|--------------------------------------|
|                                      | Loại tay lái  |               | 3 chấu, chỉnh tay<br>4 hướng         |
|                                      | Chất liệu vô lăng                                   |               | Urethan                              |
| Ghế trước                            | Chất liệu bọc ghế                                   |               | Da                                   |
|                                      | Điều chỉnh ghế lái                                  |               | Chỉnh điện 8<br>hướng                |
|                                      | Điều chỉnh ghế hành khách                           |               | Chỉnh điện 4<br>hướng                |
|                                      | Bộ nhớ vị trí                                       |               | Có                                   |
| Hàng ghế<br>thứ 2                    | Chất liệu bọc ghế                                   |               | Da                                   |
|                                      | Gập lưng ghế  |               | 60:40 một chạm                       |
| Hàng ghế<br>thứ 3                    | Chất liệu bọc ghế                                   |               | Da                                   |
|                                      | Ngả lưng ghế  |               | Gập 50:50                            |
| <b>IV</b>                            | <b>TIỆN NGHI</b>                                    |               |                                      |
| Màn hình                             |   |               | Màn hình cảm<br>ứng cảm ứng<br>7inch |
| Khóa cửa<br>điện                     |   |               | Có                                   |
| Chức năng<br>khóa cửa<br>từ xa       |   |               | Có                                   |
| Cốp điều<br>khiển điện               |   |               | Không                                |
| Hệ thống<br>điều hòa                 |   |               | Tự động 2 vùng<br>độc lập            |
| Kết nối đa<br>phương<br>tiện         | Kết nối USB, Bluetooth,<br>USB, Smart phone connect |               | Có                                   |
| Gương<br>chiếu hậu<br>trong          |   |               | Không                                |
| Hệ thống<br>mở khóa<br>thông minh    |   |               | Có                                   |
| Khởi động<br>bằng nút<br>bấm         |   |               | Có                                   |
| Hệ thống<br>điều khiển<br>hành trình |   |               | Có                                   |

| <b>TT</b>                            | <b>THÔNG SỐ KỸ THUẬT</b> | <b>ĐƠN VỊ</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|--------------------------------------|--------------------------|---------------|--------------------------|
| Hệ thống hỗ trợ đổ đèo               |                          |               | Có                       |
| <b>V</b>                             | <b>AN TOÀN CHỦ ĐỘNG</b>  |               |                          |
| Cảnh báo tiền va chạm                |                          |               | Có                       |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn           |                          |               | Có                       |
| Điều khiển hành trình chủ động       |                          |               | Có                       |
| Cảm biến hỗ trợ đổ xe                | Trước/sau                |               | Không                    |
| Camera                               |                          |               | Không                    |
| Đèn báo phanh khẩn cấp               |                          |               | Có                       |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc  |                          |               | Có                       |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo           |                          |               | Có                       |
| Hệ thống cân bằng điện tử            |                          |               | Có                       |
| Hệ thống phân phối lực phanh điện tử |                          |               | Có                       |
| Hệ thống cân bằng điện tử            |                          |               | Có                       |
| Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp   |                          |               | Có                       |

| TT                           | THÔNG SỐ KỸ THUẬT                          | ĐƠN VỊ | Thông số kỹ thuật |
|------------------------------|--|--------|-------------------|
| Hệ thống chống bó cứng phanh |  |        | Có                |
| <b>VI</b>                    | <b>AN TOÀN BỊ ĐỘNG</b>                     |        |                   |
| Túi khí                      | Túi khí người lái và hành khách phía trước |        | Có                |
|                              | Túi khí bên hông phía trước                |        | Có                |
|                              | Túi khí rèm                                |        | Có                |
|                              | Túi khí đầu gối người lái                  |        | Có                |
| Dây đai an toàn              | 3 điểm ELR, 7 vị trí                       |        | Có                |

- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật dưới đây để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu và không nhằm mục đích chỉ định cho bất kỳ loại hàng hoá nào về nhãn hiệu, hãng sản xuất và xuất xứ hàng hoá hay hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu hàng hóa có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu kỹ thuật và có sự khác biệt không quá 3% so với yêu cầu tối thiểu trên (Tương đương được hiểu là tương đương về mặt kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ). Nhà thầu có thể chào hàng hóa được nêu trên hoặc loại hàng hóa khác nhưng phải chứng minh sự tương đương hoặc ưu việt so với hàng hóa được nêu trên. Để chứng minh sự tương đương nhà thầu phải có bảng so sánh chi tiết về thông số kỹ thuật, đặc tính sử dụng cùng các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh. Nếu nhà thầu không có tài liệu chứng minh sự tương đương hoặc ưu việt hơn thì được xem là không đạt về mặt kỹ thuật.

### **1.3. Các yêu cầu khác**

Nhà thầu phải đáp ứng các yêu cầu:

- Nhà thầu phải cung cấp Catalog hoặc tài liệu kỹ thuật của hàng hóa chào thầu.
- Nhà thầu phải cung cấp chế độ bảo hành, bảo dưỡng của hàng hóa chào thầu.
- Nhà thầu có cam kết về hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý, môi trường và không tác động nhiều đến môi trường (nếu có tác động đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý).

### **Mục 2. Bản vẽ: Không có**

### **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

- Chủ đầu tư và nhà thầu thực hiện kiểm tra tình trạng toàn bộ hàng hóa trước khi bàn giao và nghiệm thu.

- Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa nhà thầu cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của E-HSMT được phê duyệt.

- Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: Chủ đầu tư sẽ thông báo cụ thể cho Nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng

- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp. Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do bên nhà thầu chịu trách nhiệm.